

## Neopox® CR

Hệ thống epoxy hai thành phần không dung môi,  
có khả năng kháng hóa chất cao

CE

### Mô tả

Hệ thống epoxy hai thành phần không dung môi, thích hợp cho các ứng dụng yêu cầu độ bền hóa học rất cao

### Lĩnh vực ứng dụng

- Bể chứa (bên trong) và bề mặt bên trong tiếp xúc trực tiếp (chu kỳ hoặc thậm chí lâu dài) với hóa chất (axit, bazơ, hóa dầu)
- Bể chứa nước thải, công trình xử lý nước, hồ thang máy



Các bề mặt cần được chuẩn bị và vật liệu lót thích hợp trước khi thi công Neopox® CR.

### Đặc tính - Ưu Điểm

- Khả năng chịu hóa chất rất cao khi tiếp xúc trực tiếp với một số dung dịch hóa chất
- Độ bám dính tuyệt vời trên các chất nền khác nhau
- Khả năng chống mài mòn vượt trội
- Độ cứng và độ bền vượt trội

### Đóng gói

Bộ (A+B) 10kg

### Màu sắc

Đen

### Chứng nhận - Báo cáo thử nghiệm

- Chứng nhận CE theo EN 1504-2
- Báo cáo thử nghiệm của phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng độc lập bên ngoài Geoterra (Số 2019-300)
- Tuân thủ hàm lượng V.O.C. yêu cầu theo E.U. Chỉ thị 2004/42 / CE

CE



### Đặc tính kỹ thuật

Tỷ lệ trộn A:B (trọng lượng)	75:25
Tỷ trọng (EN ISO 2811-1)	1,26kg/L (±0,1)
Hàm lượng chất rắn theo trọng lượng	~100%

Hàm lượng chất rắn theo khối lượng	~100%
Độ bóng (60°)	80
Chịu mài mòn (Taber Test, CS 10/1000/1000, ASTM D4060)	45mg
Cường độ bám dính (EN 1542)	≥2,5N/mm <sup>2</sup>
Độ cứng Shore D (ASTM D2240)	73
Độ cứng chịu xước (Thử nghiệm Elcometer 3092)	9N
Khả năng thấm nước (EN 1062-3)	<0,1kg/m <sup>2</sup> h <sup>0,5</sup>
Khả năng thấm CO <sub>2</sub> - Khuếch tán - Độ dày lớp không khí tương đương Sd (EN 1062-6)	>50m
Khả năng thấm hơi nước - Khuếch tán - Độ dày lớp không khí tương đương Sd (EN ISO 7783)	>5m (cấp II)
Chịu nhiệt độ (tải khô)	-30°C/ +100°C
<b>Mức tiêu thụ: 330-400gr/m<sup>2</sup> mỗi lớp (tùy thuộc vào chất nền)</b>	

<b>Điều kiện thi công</b>	
Độ ẩm mặt nền	<4%
Độ ẩm môi trường (RH)	<70%
Nhiệt độ thi công (môi trường – mặt nền)	Từ +12°C đến +35°C

<b>Chi tiết bảo dưỡng</b>		
Thời gian sống (RH 50%)	+12°C	60 phút
	+25°C	40 phút
Khô để thi công lớp kế tiếp (RH 50%)	+12°C	40 phút
	+25°C	36 phút
Đóng rắn hoàn toàn	~ 7 Ngày	
* Nhiệt độ thấp và độ ẩm cao trong quá trình thi công và / hoặc đóng rắn sẽ kéo dài thời gian trên, trong khi nhiệt độ cao làm giảm chúng.		

<b>Vật liệu lót thích hợp trên nền gốc xi măng</b>		
	<b>Vật liệu lót</b>	<b>Mô tả - Chi tiết</b>
Không dung môi	<b>Epoxol® Primer SF</b>	Vật liệu lót epoxy hai thành phần không dung môi cho các ứng dụng sàn
	<b>Epoxol® Primer SF-P</b>	Vật liệu lót epoxy hai thành phần, không dung môi, lý tưởng cho các bề mặt có độ xốp cao
	<b>Neopox® Primer WS</b>	Vật liệu lót epoxy hai thành phần, không dung môi dành cho bề mặt ướt (không đọng nước hoặc độ ẩm gia tăng)
	<b>Neopox® Primer AY</b>	Vật liệu lót epoxy chống thấm thấu, hai thành phần, không dung môi, dành cho sàn có độ ẩm tăng cao

Hệ nước	<b>Acqua Primer</b>	Vật liệu lót epoxy hai thành phần hệ nước
Hệ dung môi	<b>Epoxol® Primer</b>	Vật liệu lót epoxy hai thành phần hệ dung môi
<b>Vật liệu lót thích hợp trên nền kim loại (sắt - thép)</b>		
Hệ dung môi	<b>Neopox® Primer 815</b>	Vật liệu lót epoxy hai thành phần hệ dung môi, chống ăn mòn, thích hợp cho bề mặt kim loại
	<b>Neopox® Special Primer 1225</b>	

## Hướng dẫn sử dụng

### **Chuẩn bị mặt nền**

#### *Bê tông*

Mác bê tông phải đạt tối thiểu C20 / 25, có độ bền kéo  $\geq 1,5\text{MPa}$  và đã được bảo dưỡng ít nhất 28 ngày, thực hiện tất cả các biện pháp bảo dưỡng cần thiết trong thời gian bảo dưỡng. Bề mặt gốc xi măng phải được chuẩn bị cơ học thích hợp (ví dụ: mài, phun bắn, phay, v.v.) để làm phẳng những chỗ không đều, đạt được bề mặt mở và đảm bảo độ bám dính tối ưu.

Bề mặt phải khô và được bảo vệ khỏi độ ẩm gia tăng, ổn định, sạch và không bám bụi, dầu mỡ, v.v ... Phải loại bỏ hoàn toàn các vật liệu vụn rời bằng cách chải hoặc chà nhám bằng máy phù hợp và máy hút bụi công suất cao.

Bề mặt phải nhẵn và phẳng nhất có thể, cũng như liên tục (nghĩa là không có lỗ rỗng, vết nứt, v.v.)

Phải tiến hành sửa chữa bề mặt nền, trám khe, lỗ / khoảng trống và làm phẳng bề mặt bằng cách sử dụng các sản phẩm sửa chữa thích hợp, chẳng hạn như vữa xi măng **epoxy Epoxol® CM** có thể đổ và bột trét **epoxy Epoxol® Putty**, hoặc / và hỗn hợp **Epoxol®** lót **SF-P** và Cát thạch anh M-32 (tỷ lệ trộn chỉ định 1: 1-2 theo khối lượng), sau đó quét vật liệu lót thích hợp.

#### *Bề mặt kim loại (sắt - thép)*

Bề mặt kim loại phải được chuẩn bị đúng cách bằng cách phun cát hoặc chà nhám bằng bàn chải sắt và phải khô, không bám bụi, bẩn, chất nhờn và dầu, cũng như bất kỳ lớp phủ nào bám dính kém. Ở những khu vực bị rỉ sét, nên ứng dụng cục bộ hóa chất chống rỉ sét **Neodur® Metalforce**. Các bề mặt kim loại mới nên được tẩy dầu mỡ bằng dung môi **Neotex® 1021**.

### **Vật liệu lót**

Để ổn định bề mặt nền và trám kín các lỗ rỗng, cũng như tạo điều kiện tối ưu để đạt độ bám dính chắc hơn và độ che phủ cao hơn của lớp epoxy tiếp theo, nên ứng dụng lớp **epoxy Acqua Primer** hệ nước hoặc vật liệu lót **NEOTEX®** thích hợp thay thế (xem bảng), tùy thuộc vào chất nền. Trong trường hợp nền có độ xốp cao, có thể cần bổ sung thêm một lớp vật liệu lót.

### **Thi công**

Khi lớp lót đã khô để quét phủ, **Neopox® CR** được thi công bằng con lăn, chổi quét hoặc bình phun không khí thành hai hoặc nhiều lớp. Lớp thứ hai (và mọi lớp tiếp theo) được thi công ~ 24 giờ sau khi thi công lớp trước (tùy thuộc vào điều kiện không khí).

Trước khi trộn, nên khuấy cơ học thành phần A. Hai thành phần A & B được trộn theo tỷ lệ định trước (7,5A: 2,5B theo trọng lượng) và chúng được khuấy khoảng 3-5 phút bằng máy khuấy điện tốc độ chậm. Quan trọng là phải khuấy kỹ ở đáy thùng, cũng như gần các thành bên để chất làm cứng (thành phần B) được phân bố đều. Hỗn hợp được để chờ khoảng 1-2 phút rồi đem thi công lên mặt nền.

## Những lưu ý đặc biệt

- Không nên thi công **Neopox® CR** trong điều kiện ẩm ướt, hoặc nếu điều kiện ẩm ướt dự kiến sẽ xảy ra trong quá trình thi công hoặc thời gian đông rắn của sản phẩm. Độ ẩm tăng có thể có tác động tiêu cực đến độ bám dính, tính chất màng và / hoặc kết quả cuối cùng (ví dụ: bề mặt mờ, dính)
- Không nên bảo quản các thành phần ở nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao, đặc biệt là trước khi trộn. Tốt nhất nên trộn và khuấy hỗn hợp trong bóng râm. Việc khuấy hỗn hợp phải được thực hiện bằng máy và không được thực hiện thủ công bằng que khuấy, v.v.
- Không khuấy vật liệu quá nhiều để giảm thiểu nguy cơ sinh bóng khí. Sau khi hỗn hợp đã được trộn, nên thi công vật liệu ngay để tránh nhiệt độ tăng cao vật liệu sẽ đông cứng ngay trong thùng.
- Nhiệt độ bề mặt phải ít nhất ở 3°C cao hơn điểm sương để giảm nguy cơ ngưng tụ trên bề mặt sàn.
- Do tính chất của vật liệu, lớp phủ cuối cùng tiếp xúc trực tiếp và liên tục với bức xạ UV có thể gây ra hiện tượng bong tróc theo thời gian. Do đó, không nên ứng dụng sản phẩm cho các ứng dụng lộ thiên.
- Trong trường hợp thời gian giữa các lớp kế tiếp nhau kéo dài (> 36 giờ), nên chà nhám nhẹ bề mặt của lớp trước để tránh các vấn đề về độ bám dính của lớp tiếp theo có thể xảy ra.

## bảng kháng hóa chất

Hóa chất (hàm lượng %)	Thời gian tiếp xúc với hóa chất (+20°C)			
	1 giờ	5 giờ	24 giờ	Lâu dài
Axit photphoric (10%)	C	C	C	C
Axit photphoric (20%)	C	C	C	-
Axit sunfuric (10%)	C	C	C	D
Axit sunfuric (20%)	C	C	C	-
Axit clohydric (10%)	B	B	C	C
Axit clohydric (20%)	C	C	C	-
Axit lactic (10%)	B	C	C	C
Axit lactic (20%)	B	C	C	-
Axit nitric (10%)	A	B	C	C
Axit nitric (20%)	B	C	C	-
Xút (10%)	A	A	A	A
Formaldehyde (10%)	A	B	B	B
Amoniac (10%)	A	A	B	B
Clo (5%)	A	A	A	B
Dầu diesel	A	A	A	-
Xăng không chì	A	A	A	-



Xylene	A	A	A	B
M.E.K	A	A	B	-
Rượu 950	A	A	A	-
Nước mặn 15%	A	A	A	A
Dầu động cơ	A	A	A	-
Rượu vang đỏ)	A	A	A	A

**Đánh giá khả năng chống chịu**

A: Khả năng chống chịu tuyệt vời

B: Khả năng chống chịu tốt (biến màu nhẹ)

C: Khả năng chống chịu hạn chế (biến màu nhiều)

D: Không khuyến khích

<b>Hình thức</b>	Đen
<b>Đóng gói</b>	Bộ (A+B) trong thùng thiếc 10kg
<b>Vệ sinh dụng cụ – Loại bỏ vết bẩn</b>	Bằng <b>Neotex® 1021</b> ngay sau khi thi công. Trong trường hợp vết bẩn đã đông cứng, loại bỏ bằng biện pháp cơ học
<b>Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (V.O.C.)</b>	Giới hạn hàm lượng V.O.C. theo E.U. Chỉ thị 2004/42 / CE cho sản phẩm thuộc loại AjSB này “Lớp phủ chất lượng hai thành phần phản ứng”: 500g/lít (Giới hạn 1.1.2010). Hàm lượng V.O.C. của sản phẩm sẵn sàng sử dụng <500g /lít.
<b>Mã UFI</b>	Thành phần A: H960-60ND-8009-409T Thành phần B: WC60-Q0AS-J00S-SAVV
<b>Lưu trữ</b>	2 năm, được bảo quản trong bao bì nguyên ban đầu, được bảo vệ khỏi sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với ánh sáng mặt trời

<b>CE</b>	
<b>NEOTEX S.A.</b> V.Moira str., P.O. Box 2315 GR 19600 Khu công nghiệp Mandra, Athens, Hy Lạp  19	
DoP No.: 4950-53  <b>EN 1504-2</b>  <b>Neopox® CR</b>  Sản phẩm bảo vệ bề mặt Lớp phủ	
Độ thấm hơi nước:	Loại II
Cường độ bám dính:	$\geq 1,5N / mm^2$
Khả năng hấp thụ mao mạch khả năng thấm nước:	$W < 0,1Kg / m^2h^{0,5}$
Khả năng thấm CO2:	SD > 50m
Phản ứng lửa:	Euroclass F
Các chất nguy hiểm:	Tuân thủ 5.3

Thông tin được cung cấp trong biểu dữ liệu này, liên quan đến việc sử dụng và ứng dụng của sản phẩm, dựa trên kinh nghiệm và kiến thức về NEOTEX® SA. Nó được cung cấp như một dịch vụ cho các nhà thiết kế và nhà thầu để giúp họ tìm ra các giải pháp tiềm năng. Tuy nhiên, với tư cách là nhà cung cấp, NEOTEX® SA không kiểm soát việc sử dụng thực tế của sản phẩm và do đó không thể chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng sản phẩm. Là kết quả của sự phát triển kỹ thuật liên tục, khách hàng của chúng tôi tùy thuộc vào kiểm tra với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi để đảm bảo rằng bằng dữ liệu hiện tại này đã không được sửa đổi bởi một phiên bản mới hơn:

**HEADQUARTERS - PLANT**  
V. Moira str., Xiropigado  
**LOGISTICS SALES & CENTER**  
Loutsas str., Voro

P.O. Box 2315, GR 19600  
Industrial Area Mandra  
Athens, Greece  
T. +30 210 5557579

**NORTHERN GREECE BRANCH**  
Ionias str., GR 57009  
Kalochori, Thessaloniki, Greece  
T. +30 2310 467275